

CÔNG TY CP TƯ VẤN
THIẾT KẾ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



MỤC LỤC

1.	BẢO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	01 - 02
2.	BẢO CÁO KIỂM TOÁN	03 - 03
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	04 - 07
4.	BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08 - 08
5.	BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
6.	THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 24

BẢO CAO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lập Điện trình bày Bảo cáo này cùng với Bảo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lập Điện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600781512, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 09 năm 2018, và thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở hoạt động:
- Địa chỉ: Số 129C, đường Huỳnh Văn Nghệ, KP 5, Phường Bưu Long, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: 02513 210 347
- Mã số thuế: 3600781512

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông		Vốn góp đăng ký tại ngày 31/12/2023	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai		2.160.000.000	28,80%
Công ty CP Điện Cơ Đồng Nai		675.000.000	9,00%
Cổ đông khác		4.665.000.000	62,20%
Tổng		7.500.000.000	100%

Hội đồng quản trị và Giám đốc trong năm và tại ngày lập Bảo cáo tài chính

Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
- Ông Nguyễn Tuấn Khanh	Chủ tịch		31/12/2023
- Ông Đinh Văn Quyết	Chủ tịch	01/01/2024	
(Ông Đinh Văn Quyết – Đại diện Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai)			
- Ông Nguyễn Khương Minh	Phó Chủ tịch (Đại diện Công ty CP Điện Cơ Đồng Nai)		
- Ông Vũ Thị Bê	Ủy viên		
- Ông Đoàn Thế Thiện	Ủy viên		

Giám đốc

- Ông Nguyễn Tuấn Khanh

Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Điều tra, khảo sát, lập dự án, lập thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110KV. Khảo sát và thiết kế các công trình phụ trợ (phòng biến điện, phòng điều hành, nền móng, trụ, trạm...), Cung cấp các dịch vụ tư vấn về điện cho các đơn vị trong nước và nước ngoài. Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công trình công nghiệp, Thăm dò địa chất công trình đến cấp điện áp 110 KV. Giám sát các công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110KV. Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo lường, chuẩn đo lường (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
- Đại lý, môi giới, đầu tư hàng hóa. Chi tiết: Đại lý kỹ thuật vật liệu thiết bị điện và thiết bị viễn thông.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây lắp các công trình điện đến cấp điện áp 110 KV.
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc. Chi tiết: Thi công công trình viễn thông.
- Xây dựng nhà để ô.
- Xây dựng nhà không để ô.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật liệu thiết bị điện và thiết bị viễn thông.

Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hòa được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 04 đến trang 24).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Giám đốc Công ty, đến kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Trách nhiệm của Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính;

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

- Chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt báo cáo tài chính

Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lập Điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2024



Nguyễn Tuấn Khanh
Giám đốc

BẢO CÁO TÀI CHÍNH CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023
CỦA CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Giám đốc

CÔNG TY CP TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảo cáo tài chính kèm theo của Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lập Điện, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2024 từ trang 04 đến trang 24 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Bảo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh bảo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý bảo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày bảo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về việc kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Bảo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về bảo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu bảo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày bảo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể bảo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Bảo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lập Điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Bảo cáo tài chính.



Nguyễn Duy Khanh

Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2209-2023-144-1

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Hải Phong

Kiểm Toán Viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3772-2022-144-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	I	2	3	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100			22.666.196.244	32.011.371.226
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			12.813.800.850	11.282.052.390
1. Tiền	111			7.813.800.850	8.282.052.390
2. Các khoản tương đương tiền	112			5.000.000.000	3.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			3.000.000.000	3.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121			-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122			-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			3.000.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			5.044.033.943	14.684.727.757
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131			3.891.729.487	13.769.015.228
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132			169.784.280	43.195.682
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136			982.520.176	872.516.847
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137			-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			-	-
IV. Hàng tồn kho	140			1.779.186.373	2.961.294.497
1. Hàng tồn kho	141			1.779.186.373	2.961.294.497
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			29.175.078	83.296.582
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			29.175.078	83.296.582
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153			-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154			-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200			4.629.167.049	3.571.984.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			397.179.154	(301.660.570)
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			6.296.986.914	5.908.558.732
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			397.179.154	382.179.154
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216			-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			(6.296.986.914)	(6.592.398.456)

Đơn vị tính: VND

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tải ngày 31 tháng 12 năm 2023

TÀI SẢN	I	2	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220	221	220	V.8	2.731.987.895	2.373.644.720
1. Tài sản cố định hữu hình	221	222	221		2.731.987.895	2.373.644.720
- Nguyên giá	222	222	222		8.011.509.414	6.787.402.141
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	223	223		(5.279.521.519)	(4.413.757.421)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	224	224		-	-
- Nguyên giá	225	225	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	226	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	227	227		-	-
- Nguyên giá	228	228	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	229	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	231	230		-	-
- Nguyên giá	231	231	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	232	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	241	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	242	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	250	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	251	250		1.500.000.000	1.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	252	251	V.2b	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	253	252		1.500.000.000	1.500.000.000
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253	254	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	255	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	260	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	261	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	262	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	263	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	268	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268	270	268		27.295.363.293	35.583.355.376
TỔNG CỘNG TÀI SẢN						

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ		300		8.530.508.864	16.044.453.006
I. Nợ ngắn hạn		310		6.971.332.509	13.763.579.339
1. Phải trả người bán ngắn hạn		311	V.9a	3.073.370.746	6.249.295.118
2. Người mua trả tiền trước		312	V.10a	241.946.063	338.409.400
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		313	V.11	1.020.571.871	1.532.118.902
4. Phải trả người lao động		314		1.074.939.616	1.490.641.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn		315	V.12	405.796.584	2.337.566.310
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn		316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng		317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác		319	V.13	840.246.609	745.545.109
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		320	V.14	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn		321	V.15	-	948.449.602
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi		322		314.461.020	121.553.898
13. Quỹ bình ổn giá		323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		324		-	-
II. Nợ dài hạn		330		1.559.176.355	2.280.873.667
1. Phải trả người bán dài hạn		331	V.9b	95.690.800	20.505.628
2. Người mua trả tiền trước dài hạn		332	V.10b	1.463.485.555	2.260.368.039
3. Chi phí phải trả dài hạn		333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn		335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác		337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi		339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi		340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn		342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		18.764.854.429	19.538.902.370
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	I. Vốn chủ sở hữu	410		18.764.854.429	19.538.902.370
	1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.16	7.500.000.000	7.500.000.000
	2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.16	148.799.906	148.799.906
	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
	4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.16	1.312.655.987	1.312.655.987
	5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
	8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.16	8.724.763.372	8.373.043.372
	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.16	1.078.635.164	2.204.403.105
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(275.811.537)	(54.000.000)
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.354.446.701	2.258.403.105
	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	1. Nguồn kinh phí	432		-	-
	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		27.295.363.293	35.583.355.376

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Mai Phương
Lập biên


Ngô Văn Chí
Kế toán trưởng



Giám đốc
Nguyễn Tuấn Khanh

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	22.548.269.264	45.191.717.024	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		554.064.127	2.105.293	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	21.994.205.137	45.189.611.731	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	19.797.946.287	40.716.535.816	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.196.258.850	4.473.075.915	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	691.836.041	247.827.655	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	41.232.587	
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-	
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	2.227.746.554	2.020.384.475	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		660.348.337	2.659.286.508	
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.346.179.563	140.617.735	
12. Chi phí khác	32	VI.7	339.280.658	17.520.289	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.006.898.905	123.097.446	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.667.247.242	2.782.383.954	
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	V.11	312.800.541	523.980.849	
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.354.446.701	2.258.403.105	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-	

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Nguyễn Mai Phương
Lập biên
Kế toán trưởng
Ngô Văn Chí
Giám đốc
Nguyễn Tuấn Khanh
Đồng Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIẢN TIẾP)

Năm 2023

CHỈ TIÊU	I	2	3	4	5
		Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01			1.667.247,242	2.782.383,954
2. Điều chỉnh cho các khoản	02			865.764,098	745.174,114
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT					
- Các khoản dự phòng	03			(295.411,542)	1.671.244,351
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04			-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05			(691.836,041)	(247.827,655)
- Chi phí lãi vay	06			-	41.232,587
- Các khoản điều chỉnh khác	07			-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08			1.545.763,757	4.992.207,351
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09			9.237.265,632	2.495.377,804
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10			1.182.108,124	2.957.779,314
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11			(6.737.733,072)	1.716.759,147
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12			54.121,504	(34.125,000)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14			-	(41.232,587)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15			(639.541,638)	(276.399,812)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			990.803,965	2.746.666,156
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17			(388.470,080)	(1.882.228,230)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20			5.244.318,192	12.674.804,143
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			(1.224.107,273)	(1.119.243,909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-	-
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(15.000.000,000)	(6.000.000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			13.000.000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			691.836,041	247.827,655
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			(2.532.271,232)	(6.871.416,254)

Đơn vị tính: VND

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	31		-	-
	32	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
		2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
	33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	-	1.689.575.462
	34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	-	(2.417.865.680)
	35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	-	-
	36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.180.298.500)	(1.307.587.500)
	40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(1.180.298.500)	(2.035.877.718)
	50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	1.531.748.460	3.767.510.171
	60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	11.282.052.390	7.514.542.219
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61) quy đổi ngoại tệ	61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	-	-
	70		12.813.800.850	11.282.052.390

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Nguyễn Mai Phương
Lập biểu

Ngô Văn Chí
Kế toán trưởng

Đông Nai, ngày 20 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY LẬP ĐIỆN

T. BIÊN HOÀ

Giám đốc
Nguyễn Tuấn Khanh

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Tư Vấn Thiết Kế và Xây Lập Điện được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600781512, đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 04 ngày 28 tháng 09 năm 2018, và thay đổi lần thứ 05 ngày 21 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

7.500.000.000 VND

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Thương mại.
- Tư vấn, Thiết kế và xây lắp điện.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Điều tra, khảo sát, lập dự án, lập thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán các công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110KV. Khảo sát và thiết kế các công trình phụ trợ (phòng biến điện, phòng điều hành, nền móng, trụ, trạm...). Cung cấp các dịch vụ tư vấn về điện cho các đơn vị trong nước và nước ngoài. Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công trình công nghiệp. Thẩm định công trình điện đến cấp điện áp 110 KV. Giám sát các công trình đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 110KV. Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo lường, chuẩn đo lường (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật).
- Đại lý, môi giới, đầu tư và quản lý kỹ thuật: Đại lý kỹ thuật vật liệu thiết bị điện và thiết bị viễn thông.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp.
- Xây dựng công trình điện. Chi tiết: Xây lắp các công trình điện đến cấp điện áp 110 KV.
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc. Chi tiết: Thi công công trình viễn thông.
- Xây dựng nhà để ô tô.
- Xây dựng nhà không để ô tô.

- Ban buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật liệu thiết bị điện và thiết bị viễn thông.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Bảo cảo tài chính

Không có

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết

Công ty Cổ phần Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai

- Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)
- Tỷ lệ góp vốn: 10%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 10%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Bảo cảo tài chính

Các thông tin số so sánh số dư đầu kỳ được phân loại lại và có khả năng so sánh.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TẠI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VND) trong hạch toán kế toán.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

I. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các bảo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các bảo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

I.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

2.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.
Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.

Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. Nguyên tắc ghi nhận và các khâu hao TSCB, TSCB thuế tài chính, bất động sản đầu tư

TSCB hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCD hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào bảo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào bảo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCD hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCB	Năm	05 - 10	05 - 10	05 - 10
Máy móc thiết bị				
Phong tiện vận tải, truyền dẫn				
Thiết bị, dụng cụ quản lý				

5. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính; Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng để.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 01 đến 02 năm.

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí thuế nhà, kho.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận theo số thực phát sinh nợ gốc tại thời điểm nhận nợ vay.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thành toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phần ảnh hưởng đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính tối đa không quá 5% giá trị nghiệm thu của công trình.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Nguyên tắc ghi nhận những dự vốn cổ phần

Thăng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tài sản phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tài sản phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dự vốn cổ phần.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;

- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

BẢNG THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	123.611.923	678.006
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND)	7.690.188.927	8.281.374.384
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	3.000.000.000
Tổng cộng	12.813.800.850	11.282.052.390

2. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối năm	Đầu năm
a1. Ngân hạn	3.000.000.000	3.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	3.000.000.000	3.000.000.000
a2. Dài hạn	-	-
Tổng cộng	3.000.000.000	3.000.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm	Đầu năm
Giá gốc	1.500.000.000	1.500.000.000
Dự phòng	-	-
Giá trị hợp lý	1.500.000.000	1.500.000.000

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)

(*) Chi tiết khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai

- Văn phòng giao dịch: Số 01, đường Nguyễn Ái Quốc, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hoà, Đồng Nai.
- Vốn điều lệ của Công ty CP Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai: 15.000.000.000 đồng (Mười lăm tỷ đồng)
- Tỷ lệ góp vốn: 10%
- Tỷ lệ quyền biểu quyết: 10%
- Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 150.000 Cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. Phải thu của khách hàng		Đầu năm	
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn		Cuối năm	
Công ty Điện Lực Biên Hòa	779.425.173	1.180.659.898	13.769.015.228
Công ty Điện Lực Long Khánh	259.653.896	189.235.586	
Công ty Điện Lực Thống Nhất	622.870.051	108.090.661	
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	73.723.606	28.246.433	
Công ty Điện Lực Trị An	35.073.614	2.987.204.989	
Công ty Điện Lực Nhơn Trạch	583.764.191	3.361.923.212	
Chi nhánh Công ty Điện Lực Biên Hòa 2	90.655.156	246.164.826	
Phòng Kinh Tế Hạ Tầng Huyện Định Quán	-	1.383.667.745	
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Sonadezi	-	1.772.800.644	
Công ty TNHH Xây Dựng Quang Hải Nam	235.125.000	335.125.000	
Các khách hàng khác	1.211.438.800	2.175.896.234	
b. Phải thu khách hàng dài hạn		Cuối năm	
Công ty CP XD và TM 299	1.748.364.246	1.748.364.246	5.908.558.732
Công ty CP XD Công trình 568	349.105.683	349.105.683	
Công ty CP Sonacons	289.825.455	289.825.455	
Công ty CP Tư Vấn Và Đầu Tư Bất Động Sản Việt Tin	315.051.833	315.051.833	
Phòng Kinh Tế Hạ Tầng Huyện Định Quán	1.383.667.745	-	
Công ty TNHH MTV Thành Long Hiệp Phước	1.671.244.351	1.671.244.351	
Công ty TNHH Thành Phố Waterfront Đồng Nai	330.000.000	330.000.000	
Các khách hàng khác	209.727.601	1.204.967.164	
Tổng cộng		10.188.716.401	
19.677.573.960			
4. Trả trước cho người bán		Đầu năm	
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn		Cuối năm	
Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3	65.000.000	11.077.500	43.195.682
Công ty TNHH XD TM và DV Ut Mai	100.017.500	-	
Các nhà cung cấp khác	4.766.780	32.118.182	
b. Trả trước cho người bán dài hạn		Cuối năm	
Công ty TNHH kiểm định Đông Nam	15.000.000	382.179.154	
Công ty TNHH TM & XD Đồng Long	229.964.351	229.964.351	
Diệp Tuấn	150.811.000	150.811.000	
Các nhà cung cấp khác	1.403.803	1.403.803	
Tổng cộng		566.963.434	
425.374.836			

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

5. Các khoản phải thu khác

Cuối năm	Đầu năm
982.520.176	872.516.847
647.052.171	622.287.171
335.468.005	250.229.676
-	-
982.520.176	872.516.847
Cuối năm	Đầu năm

a. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi ngắn hạn

b. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi dài hạn

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn

Tổng cộng

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Năm nay	Năm trước
6.592.398.456	4.921.154.105
-	1.671.244.351
(295.411.542)	-
6.296.986.914	6.592.398.456
Số cuối năm	Số đầu năm

Trích lập dự phòng bổ sung trong năm

Hoàn nhập dự phòng

Số cuối năm

Hàng tồn kho

Nguyên liệu, vật liệu

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

Cộng giá gốc hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Giá trị thuần có thể thực hiện được

Cuối năm	Đầu năm
1.779.186.373	729.406.023
-	825.407.980
1.779.186.373	2.135.886.517
-	2.961.294.497
1.779.186.373	2.961.294.497
Cuối năm	Đầu năm

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
4.273.942.177	586.970.909	-	4.860.913.086
2.355.471.260	637.136.364	-	2.992.607.624
157.988.704	-	-	157.988.704
6.787.402.141	1.224.107.273	-	8.011.509.414
Tổng			

Máy móc thiết bị

PTVTai, truyền dẫn

Dùng cụ quản lý

Trong đó đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

177.489.177	1.608.100.351	157.988.704	1.943.578.232
Máy móc thiết bị	PTVTai, truyền dẫn	Dùng cụ quản lý	Tổng

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

9. Phải trả người bán				Cuối năm	Đầu năm
Khấu hao lũy kế	Máy móc thiết bị	2.554.247.006	723.504.042	-	3.277.751.048
	PTV tải, truyền dẫn	1.701.521.711	142.260.056	-	1.843.781.767
	Dùng cụ quản lý	157.988.704	-	-	157.988.704
	Tổng	4.413.757.421	865.764.098	-	5.279.521.519
Giá trị còn lại	Máy móc thiết bị	1.719.695.171	-	-	1.583.162.038
	PTV tải, truyền dẫn	653.949.549	-	-	1.148.825.857
	Dùng cụ quản lý	-	-	-	-
	Tổng	2.373.644.720	-	-	2.731.987.895

a. Phải trả người bán ngắn hạn		3.073.370.746	6.249.295.118
Công ty Cổ Phần Hợp Tác Thành Công		398.149.452	809.805.947
Công ty TNHH Liên Minh Phát		740.171.624	1.955.365.948
Công ty TNHH TM Kỹ thuật điện Tuấn Hòa Phát		203.392.910	194.925.115
Công ty Cổ Phần Tuấn Ân Đồng Nai		440.264.848	873.872.946
Công ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Và Dịch Vụ Ut Mai		-	899.739.900
Công ty Cổ Phần Dây Cáp Điện Việt Thái		142.316.586	243.800.936
Công ty TNHH Vật Liệu Xây Dựng Phúc Quân		123.914.450	577.486.800
Các nhà cung cấp khác		1.025.160.876	694.297.526

b. Phải trả người bán dài hạn		95.690.800	20.505.628
Công ty TNHH Dăng Nguyễn Trường Phát		29.736.000	-
Công ty TNHH MTV kỹ thuật Hoàng Long Văn		35.978.800	-
Công ty CP môi trường Sonadezi		29.976.000	-
Các nhà cung cấp khác		-	20.505.628
Tổng cộng		3.169.061.546	6.269.800.746

Trong đó:	Phải trả người bán là các bên liên quan	70.076.627	20.505.628
	Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai	8.228.114	-
	Công ty CP Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai	61.848.513	20.505.628

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

10. Người mua trả tiền trước	
Đầu năm	Cuối năm
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	
338.409.400	241.946.063
-	200.000.000
43.718.074	-
77.736.969	-
216.954.357	41.946.063
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	
2.260.368.039	1.463.485.555
320.000.000	320.000.000
240.000.000	240.000.000
323.898.500	323.898.500
203.500.000	203.500.000
330.000.000	-
136.609.464	180.327.538
706.360.075	195.759.517
Tổng cộng	
2.598.777.439	1.705.431.618

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

Đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng			
844.770.569	716.006.220	1.177.552.143	383.224.646
Thuế TNĐN			
523.980.849	428.361.330	639.541.638	312.800.541
Thuế thu nhập cá nhân			
163.367.484	83.027.558	-	246.395.042
Các loại thuế khác			
-	80.151.642	2.000.000	78.151.642
Tổng cộng			
1.532.118.902	1.307.546.750	1.819.093.781	1.020.571.871

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.667.247,242
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.755,463
- Các khoản điều chỉnh giảm	105.000,000
Thuế thu nhập tính thuế	1.564.002,705
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
phải nộp theo thuế suất phổ thông	312.800,541
Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm	312.800,541
Thuế TNDN được giảm trong kỳ	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	312.800,541
Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được cơ quan thuế quyết toán. Do đó, số thuế được tính bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.	
Năm nay	17.520.289
Năm trước	523.980,849

12. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí trích trước tính giá vốn dịch vụ đã cung cấp	405.796,584	2.337,566,310
Tổng cộng	405.796,584	2.337,566,310

13. Các khoản phải trả khác	Cuối năm	Đầu năm
a. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	840.246,609	745.545,109
Cổ tức còn phải trả	840.246,609	745.545,109
b. Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-
Tổng cộng	840.246,609	745.545,109

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Năm nay	Năm trước
Quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty chi tiết phát sinh trong năm như sau:		

Số đầu năm	121.553,898	98.502,102
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	451.680,620	358.451,796
Chi quỹ	(258.773,498)	(335.400,000)
Số cuối năm	314,461,020	121,553,898

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	7.500.000.000	148.799.906	1.312.655.987	8.298.236.187	1.684.258.981
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	2.258.403.105	2.258.403.105
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	(433.258.981)	(358.451.796)
Trích Thù lao	-	-	-	(180.000.000)	(180.000.000)
HĐQT	-	-	-	(1.125.000.000)	(1.125.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	7.500.000.000	148.799.906	1.312.655.987	8.373.043.372	2.204.403.105
Số dư đầu năm nay	7.500.000.000	148.799.906	1.312.655.987	8.373.043.372	2.204.403.105
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	1.354.446.701
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	351.720.000	(451.680.620)
Trích Thù lao	-	-	-	(198.000.000)	(198.000.000)
HĐQT	-	-	-	(1.275.000.000)	(1.275.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-
Truy thu thuế	-	-	-	-	(203.814.022)
Số dư cuối năm nay	7.500.000.000	148.799.906	1.312.655.987	8.724.763.372	1.078.635.164

b. Vốn điều lệ

Cổ đông	Theo GCNBKD	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)	Vốn góp đến 31/12/2023	Vốn cần phải góp bổ sung đến 31/12/2023
Công ty TNHH MTV Điện Lực Đồng Nai		2.160.000.000	28,80	2.160.000.000	-
Công ty CP Điện cơ Đồng Nai		675.000.000	9,00	675.000.000	-
Cổ đông khác		4.665.000.000	62,20	4.665.000.000	-
Tổng		7.500.000.000	100,00	7.500.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TẠI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢO CẠO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tổng doanh thu	Doanh thu xây lắp	13.535.792.990	29.813.368.212	9.709.812.954	5.668.535.858	45.191.717.024	Năm trước
			Doanh thu khảo sát, thiết kế, giám sát, thẩm định	6.922.108.606					
			Doanh thu thi nghiệm	2.090.367.668					
Các khoản giảm trừ doanh thu:			Giảm giá hàng bán	554.064.127	554.064.127	2.105.293	2.105.293		
			Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.994.205.137	45.189.611.731				
			Trong đó:						
			Doanh thu xây lắp	13.008.221.243	29.813.368.212	9.709.812.954	5.668.535.858		
			Doanh thu khảo sát, thiết kế, giám sát, thẩm định	6.895.616.226					
			Doanh thu thi nghiệm	2.090.367.668					
2.	Giá vốn hàng bán	Giá vốn xây lắp	13.477.379.070	30.269.493.699	5.403.265.751	5.043.776.366	40.716.535.816	Năm trước	
			Giá vốn khảo sát, thiết kế, giám sát, thẩm định	2.642.086.771					
			Giá vốn thi nghiệm	3.678.480.446					
			Tổng cộng	19.797.946.287					
3.	Doanh thu hoạt động tài chính	Lãi tiền gửi ngân hàng	586.836.041	180.000.000	67.827.655			Năm trước	
			Cổ tức được chia	105.000.000					
			Tổng cộng	691.836.041	247.827.655				
4.	Chi phí tài chính	Chi phí lãi vay	-	-	41.232.587			Năm trước	
			-	-	41.232.587				
			Tổng cộng	-	41.232.587				
5.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Chi phí cho nhân viên	1.757.620.040	1.610.813.268				Năm trước	
			Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.890.116	900.000				
		Chi phí bằng tiền khác	454.236.398	408.671.207					
		Tổng cộng	2.227.746.554		2.020.384.475				
6.	Thu nhập khác	Phát vi phạm hợp đồng	-	138.180.000				Năm trước	
			Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình						
		Thu nhập khác	-	2.437.735					
		Tổng cộng	1.346.179.563	140.617.735					

7. Chi phí khác		8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	
Chi phí vi phạm hành chính về thuế		Chi phí nguyên liệu, vật liệu	
Chi phí vi phạm hợp đồng		Chi phí nhân công	
Chi phí khác		Chi phí khấu hao tài sản cố định	
Tổng cộng		Chi phí dịch vụ mua ngoài	
		Chi phí bằng tiền khác	
		Tổng cộng	
Năm nay	1.755.463	Năm nay	6.359.989.647
Năm trước	12.172.289	Năm trước	11.307.469.243
	-		9.227.063.268
	5.348.000		745.174.114
	17.520.289		12.830.773.706
			4.724.857.149
			38.835.337.480
Năm nay	337.525.195	Năm nay	3.737.503.651
Năm trước	1.755.463	Năm trước	4.146.634.818
	-		865.764.098
	339.280.658		5.774.970.040
			20.884.862.254
			38.835.337.480

- Nhưng khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có bất kỳ khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính nào khác cần công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính.
- Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm 2023: Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.
- Thông tin về các bên liên quan: Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có các nghiệp vụ kinh tế quan trọng với các bên liên quan được trình bày như sau:

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan		Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và các Chi nhánh của Công ty Công ty CP Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai	
Tài ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		Năm nay	
Mối quan hệ	Thành viên góp vốn	Thành viên góp vốn	Năm trước
	9.608.292.136	9.608.292.136	9.608.292.136
	3.228.256.237	3.228.256.237	3.228.256.237
	Tổng cộng		

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Công nợ phải thu khách hàng		Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và các Chi nhánh	
Năm nay	Năm trước		
3.228.256.237	9.608.292.136		
		Tổng cộng	
70.076.627	20.505.628		
		Công ty CP Cơ Điện - Điện Lực Đồng Nai	
61.848.513	-		
		Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và các Chi nhánh	
8.228.114			
		Công nợ phải trả nhà cung cấp	
		Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai và các Chi nhánh	
70.076.627	20.505.628		
		Tổng cộng	

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. Thông tin so sánh
- Số liệu năm trước làm căn cứ so sánh với số liệu năm hiện hành là số liệu được ghi nhận theo số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán.
5. Thông tin về hoạt động liên tục:
- Không có sự kiện, yếu tố nào làm ảnh hưởng nào làm ảnh hưởng đến cơ sở hoạt động liên tục của Công ty tại ngày lập Báo cáo tài chính.
6. Những thông tin khác
- Không có sự kiện nào khác cần công bố tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Nguyễn Mai Phương
Lập biểu

Ngô Văn Chí
Kế toán trưởng

Giám đốc
Nguyễn Tuấn Khanh

